

THÔNG TƯ

Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng;

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thông tin và Truyền thông.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thông tin và Truyền thông, bao gồm: nội dung, hình thức tổ chức thi đua; tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng các danh hiệu thi đua; tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng các hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng và quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này được áp dụng đối với những cá nhân, tập thể người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và cá nhân, tập thể người nước ngoài có các hoạt động liên quan đến ngành Thông tin và Truyền thông.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ được hiểu như sau:

1. Đơn vị cấp trên cơ sở: các cơ quan, đơn vị có nhiều đơn vị thành viên có tư cách pháp nhân, hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

2. Đơn vị cấp cơ sở:

a) Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông (sau đây viết tắt là các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ); Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các đơn vị thành viên thuộc các đơn vị cấp trên cơ sở;

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông có tư cách pháp nhân.

3. Đơn vị cấp dưới cơ sở: là đơn vị cấp dưới trực tiếp của đơn vị cấp cơ sở.

4. Tập thể nhỏ: là những đơn vị, tổ chức cấp dưới của đơn vị dưới cơ sở.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua

Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 10 Luật Thi đua, Khen thưởng; các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây viết tắt là Nghị định 91/2017/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Tự nguyện, dân chủ, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua. Cá nhân, tập thể không đăng ký thi đua sẽ không được xét tặng các danh hiệu thi đua.

3. Không xét tặng danh hiệu thi đua cho cá nhân, tập thể bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

4. Thời gian công tác:

a) Đối với cá nhân: đã được bổ nhiệm vào các chức danh công chức, viên chức nhà nước; người lao động đã được Thủ trưởng đơn vị cơ sở ký hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm trở lên; các đối tượng trên phải có thời gian làm việc từ 10 tháng trở lên trong năm xét khen thưởng;

Đối tượng nữ nghỉ thai sản theo chế độ quy định của Nhà nước và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, những người phục vụ chiến đấu do bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ quan y tế, thì thời gian nghỉ vẫn được tính để xem xét tặng danh hiệu thi đua;

Đối với cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

Đối với cá nhân chuyển công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu thi đua trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ (đối với trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên);

b) Đối với tập thể: phải có thời gian chính thức hoạt động từ 10 tháng trở lên trong năm xét khen thưởng.

Điều 5. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ khen thưởng

Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Thi đua, Khen thưởng và khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 3 Nghị định 91/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Được tiến hành thường xuyên, kịp thời, đảm bảo công khai, dân chủ, công bằng và chính xác.

2. Khen thưởng căn cứ vào thành tích và tiêu chuẩn, đảm bảo thành tích đến đâu khen thưởng đến đó. Thành tích đạt được nhiều, phạm vi ảnh hưởng rộng hoặc đạt được trong điều kiện khó khăn thì được xem xét, khen thưởng ở mức hạng cao; không nhất thiết phải theo trình tự có hình thức khen thưởng ở mức thấp rồi mới khen ở mức cao và mức khen lần sau phải cao hơn mức khen lần trước.

3. Chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể nhỏ, tập thể từ yếu kém, phấn đấu trở thành điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua, thành tích thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất trong từng thời kỳ; đặc biệt quan tâm khen thưởng các đối tượng là công nhân, người lao động trực tiếp sản xuất, người dân tộc thiểu số và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

4. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

5. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung.

Khi có nhiều cá nhân, tập thể có đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

6. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

7. Trong 01 năm không trình cấp trên xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất; khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng theo niên hạn).

8. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ khen thưởng cho tập thể, cá nhân do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý về thành tích trong phong trào thi đua theo chuyên đề, lĩnh vực do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phát động hoặc về thành tích xuất sắc đột xuất.

9. Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

10. Một hình thức khen thưởng có thể được tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đã đạt được.

11. Khen thưởng tinh thần đi đôi với khen thưởng vật chất.

12. Khen thưởng của cấp nào do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp đó quyết định theo đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp.

13. Không thưởng tiền, chỉ tặng tặng phẩm kỷ niệm tương ứng với mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu và hình thức khen cho các tổ chức, cá nhân người nước ngoài.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng cùng cấp và cấp ủy Đảng cấp trên về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Triển khai công tác thi đua, khen thưởng:

a) Quản lý công tác thi đua, khen thưởng và bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng;

b) Ban hành và kiểm tra thực hiện các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn triển khai công tác thi đua, khen thưởng;

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch, xác định nội dung, mục tiêu thi đua;

d) Phối hợp với các tổ chức đoàn thể quần chúng tổ chức phong trào thi đua, nhân rộng phong trào thi đua trong phạm vi mình quản lý. Tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua và phát hiện, lựa chọn các cá nhân, tập thể có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định;

đ) Phối hợp với các cơ quan thông tin, báo chí thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến: Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định 91/2017/NĐ-CP; Thông tư và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công tác thi đua, khen thưởng của Bộ Thông tin và Truyền thông; các phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông phát động. Kịp thời tuyên truyền nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, cổ động phong trào thi đua và công tác khen thưởng;

e) Cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Vụ Thi đua - Khen thưởng về kết quả hoạt động, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với các trường hợp được đề nghị khen thưởng để phục vụ việc thẩm định thành tích và xét khen thưởng chính xác.

Điều 7. Tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp:

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng là cơ quan tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị cùng cấp về công tác thi đua, khen thưởng. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng được thành lập từ cấp đơn vị cơ sở trở lên, do Thủ trưởng đơn vị cùng cấp ra quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc và mối quan hệ công tác với đơn vị chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng cùng cấp;

b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp nào do Thủ trưởng cấp đó làm Chủ tịch, Chủ tịch Công đoàn làm Phó Chủ tịch, Thủ trưởng đơn vị chuyên trách hoặc cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng làm Ủy viên Thường trực; các thành viên của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng gồm đại diện Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (nếu có) và cán bộ phụ trách một số lĩnh vực chủ yếu của đơn vị;